

Bản án số: 80/2018/HSST
Ngày 28 - 5 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hồng

Thẩm phán: Ông Lò Văn Diệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Chinh

Ông Hà Ngọc Chung

Bà Đinh Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **84/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2018** đối với các bị cáo sau đây:

1. **Phạm Thị Ánh T**, sinh năm 1972 tại HB, Hà Nội; nơi cư trú: Số nhà..., ngõ Q, phường L, quận HB, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Minh G (đã chết) và bà Bùi Thị K; có chồng là Nguyễn Đức M và 02 con (con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2004); tiền sự: không, có 01 tiền án: **Ngày 28/10/2013 bị Tòa án nhân dân quận C xử phạt 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (ra trại ngày 15/11/2015);** bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/4/2017 đến nay, có mặt.

2. **Đỗ Quang S**, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn DD, xã N, huyện T, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn B (Đỗ Quang Y) và bà: Đỗ Thị C; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: - Năm 2009 bị Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Ngày 30/11/2017 bị Tòa án nhân dân quận HB, thành phố Hà Nội xử phạt 26 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 14/4/2017 đến ngày 24/4/2017 được Cơ quan CSĐT Công an huyện MS trả tự do, bị bắt khẩn cấp về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy từ ngày 15/8/2017 đến nay, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Ánh T:** Ông Đèo Văn H1 - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Quang S:** Ông Trần Minh H2 - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 30 phút ngày 14/4/2017, tại tiểu khu 1, xã N, huyện MS, tổ công tác Công an huyện MS đã phát hiện và bắt quả tang Phạm Thị Ánh T và Đỗ Quang sáng đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, vật chứng thu giữ: của Phạm Thị Ánh T 19 gói nilon chứa 3.658 viên nén màu hồng, màu xanh, 01 gói chất nhựa dẻo màu nâu đen (ngghi là hồng phiến và thuốc phiện), 03 điện thoại di động, 22.160.000đ cùng một số tài sản liên quan; thu của Đỗ Quang S 01 gói nilon chứa các hạt tinh thể màu trắng (S khai là ma túy đá), 01 điện thoại di động và 950.000đ.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện MS đã thành lập hội đồng mở niêm phong, cân tịnh, trích mẫu giám định xác định: 19 túi nilon chứa 3.658 viên nén màu hồng, màu xanh có tổng trọng lượng 355,4 gam và gói nilon chứa các hạt tinh thể màu trắng có trọng lượng 0,65 gam; kết quả giám định là đều là loại chất Mathamphetamine. 01 gói nhựa chất dẻo màu đen có trọng lượng 323,11 gam kết quả giám định là loại thuốc phiện.

Ngày 24/4/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện MS ra quyết định trả tự do cho Đỗ Quang S. Ngày 15/8/2017 Đỗ Quang S bị Cơ quan CSĐT Công an quận HB – Hà Nội khởi tố về tội Tàng trữ trái phép 3,803 gam Methamphetamine. Căn cứ kết quả điều tra, ngày 26/9/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra (PC47) Công an tỉnh Sơn La quyết định khởi tố bị can Đỗ Quang S về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Quá trình điều tra, các bị cáo Phạm Thị Ánh T, Đỗ Quang S khai nhận:

Khoảng nửa tháng trước ngày bị bắt, Phạm Thị Ánh T đang ở nhà thì có Phong là người quen của chồng T, nhà ở thành phố H1 Dương (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) dẫn một người đàn ông tự giới thiệu tên là Lĩnh nhà ở thị trấn L, huyện MS, tỉnh Sơn La đến nhà T chơi. Qua trao đổi, Lĩnh đặt vấn đề có ma túy bán, T lấy số điện thoại của Lĩnh và bảo khi nào cần sẽ liên lạc. Sau đó, Phong và Lĩnh đi về. Khoảng trưa ngày 11/4/2017, T gọi điện thoại cho Lĩnh hỏi mua thuốc phiện, Lĩnh hẹn khi nào có sẽ thông báo sau. Khoảng 02 giờ sau, Lĩnh gọi điện thoại lại cho T thông báo đã tìm được thuốc phiện giá là 2.500.000đ/1 lạng và phải mua 03 lạng trở lên mới bán, T đồng ý mua. Khoảng 15 giờ ngày 12/4/2017, Lĩnh gọi điện thoại cho T thông báo đã mua được thuốc

phiện và bảo T lên lấy (lúc này, T và Đỗ Quang S đang ăn cơm cùng nhau). T đã rủ S lên Sơn La để mua ma túy về bán, S đồng ý. Khoảng 22 giờ ngày 13/4/2017, T và S đón taxi từ nhà T ra bến xe Mỹ Đình đi xe khách lên Sơn La. Đến khoảng 5h30 ngày 14/4/2017, T và S đến huyện MS, tỉnh Sơn La và xuống xe tại thị trấn L, T gọi điện thoại cho Lĩnh thông báo đã lên đến Sơn La. Lĩnh đi xe máy ra đón T, S vào nhà nghỉ (T, S không nhớ tên) ở thị trấn L. Tại nhà nghỉ, Lĩnh lấy ra 4-5 viên hồng phiện, S lấy ra một ít ma túy đá mà S mua được của một người đàn ông không quen biết ở Hà Nội để ba người cùng sử dụng, số ma túy đá còn lại S cất giấu vào trong người để sử dụng dần. Sử dụng ma túy xong, T hỏi Lĩnh thuốc phiện của T đâu, Lĩnh bảo chưa đem ra, tiếp đó T hỏi Lĩnh một túi hồng phiện giá bao nhiêu tiền, Lĩnh bảo 7.000.000đ/1 túi, nghe vậy S nói “lên trên này giá 6.500.000đ 1 túi thôi”, T bảo giá 7.000.000đ hơi đắt và chỉ trả 6.500.000đ/1 túi, Lĩnh đồng ý. Nói xong, S đi vào nhà vệ sinh, T hỏi Lĩnh có bao nhiêu túi hồng phiện, Lĩnh nói còn khoảng 20 túi, T nói với Lĩnh hiện có 27.000.000đ còn thiếu cho T nợ khi nào bán được sẽ trả sau, Lĩnh đồng ý. T đưa cho Lĩnh 27.000.000đ (cả tiền mua 3 lạng thuốc phiện), Lĩnh nhận tiền rồi đi lấy ma túy, T và S đi xuống quán nước gần nhà nghỉ đợi Lĩnh. Một lúc sau, Lĩnh gọi cho T nói ở đây không an toàn, không giao ma túy được và bảo T xuống khu vực ngã ba N đợi Lĩnh. T và S bắt taxi xuống ngã ba N vào một quán nước ven đường chờ Lĩnh, đợi một lúc Lĩnh gọi điện cho T bảo ra đường quốc lộ 6 gặp Lĩnh. T đi ra gặp Lĩnh, Lĩnh đưa cho T 01 túi nilon bên trong đựng ma túy, rồi Lĩnh đi về. T nhận ma túy rồi cất giấu vào túi sách đi vào quán nước đối diện với quán của S đang ngồi, đặt túi sách đựng ma túy xuống cạnh chỗ T ngồi và gọi S sang chỗ T để đợi bắt xe khách đi về cho an toàn. Khi hai người đang ngồi đợi xe khách thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng.

Hành vi tàng trữ 0,65 gam Methamphetamine của Đỗ Quang S thu lúc bắt quả tang không đủ trọng lượng để xử lý trách nhiệm hình sự về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện nay, Đỗ Quang S đang bị cáo áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam nên cơ quan CSĐT Công an tỉnh Sơn La không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với hành vi Tàng trữ trái phép 3,803 gam Methamphetamine của Đỗ Quang S đã bị Tòa án nhân dân quân HB xét xử ngày 30/11/2017 và xử phạt 26 tháng tù.

Về nguồn gốc 323,11 gam thuốc phiện và 355,4 gam Methamphetamine thu giữ trong vụ án: các bị cáo khai mua của người đàn ông tên Lĩnh nhà ở thị trấn L, huyện MS, tỉnh Sơn La. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh, điều tra nhưng không có ai tên Lĩnh ở địa chỉ trên. Đối với số điện thoại 01278527801 mà Phạm Thị Ánh T khai nhận là số điện thoại của Lĩnh, cơ quan CSĐT đã tiến hành thu xác minh, kết quả số thuê bao trên chưa đăng ký sở hữu. Ngoài lời khai của các bị cáo không còn nguồn tài liệu chứng cứ nào khác để tiến hành điều tra, xác minh làm rõ.

Đối với đối tượng tên Phong là người quen của chồng T nhà ở thành phố

H1 Dương, T không biết rõ địa chỉ, họ tên cụ thể của Phong nên Cơ quan CSĐT không có căn cứ để tiến hành điều tra, xác minh làm rõ.

Tại cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 08/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo Phạm Thị Ánh T, Đỗ Quang S tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

* Tại phiên tòa:

- Bị cáo Phạm Thị Ánh T, Đỗ Quang S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm e khoản 4, 5 Điều 194; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Phạm Thị Ánh T 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Phạt tiền 10.000.000đ.

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Đỗ Quang S 17 đến 18 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt 26 tháng tù tại bản án số 356/2017/HSST ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân quận HB, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Luật sư Đèo Văn H1 bào chữa cho bị cáo Phạm Thị Ánh T nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La. Tuy nhiên, sau khi bị bắt bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có bố mẹ để có công với cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự mở lượng khoan hồng cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất để bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và gia đình bị cáo hoàn cảnh khó khăn, con đẻ bị khuyết tật hiện không có ai chăm sóc nên đề nghị miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Ý kiến của Luật sư Trần Minh H2 bào chữa cho bị cáo Đỗ Quang S: Nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La. Tuy nhiên, sau khi bị bắt và trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hơn nữa bị cáo phạm tội do bị rủ rê, lôi kéo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mở lượng khoan hồng xử phạt bị cáo và miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

Các bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện MS và Công an tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân

tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Các bị cáo Phạm Thị Ánh T, Đỗ Quang S đều là người có nhận thức, biết được mọi hành vi liên quan đến mua bán, vận chuyển, tàng trữ, chiếm đoạt chất ma túy là bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do hám lợi nên ngày 14/4/2017 vẫn cố ý cùng nhau thực hiện hành vi mua 355,4 gam loại chất Methamphetamine và 323,11 gam loại thuốc phiện. Trong khi các bị cáo ngồi đợi xe khách ở xã N, huyện MS, tỉnh Sơn La để vận chuyển số ma túy mua ở trên về Hà Nội bán kiếm lời thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 13 giờ 30 phút ngày 14/4/2017 tại bản Tiểu khu 1, xã N, huyện MS, tỉnh Sơn La đối với Phạm Thị Ánh T, Đỗ Quang S cùng vật chứng đã thu giữ 19 túi nilon chứa 3.658 viên nén màu hồng, màu xanh có tổng trọng lượng 355,4 gam và 01 gói chất dẻo màu nâu đen có trọng lượng 323,11 gam.

Tại kết luận giám định số 439/KLMT ngày 20/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La kết luận: *Các mẫu viên nén giám định là đều chất ma túy, loại chất Methamphetamine và Mẫu chất dẻo gửi giám định là chất ma túy, loại thuốc phiện*”.

- Lời khai nhận tội của các bị cáo.

- Lời khai của chị Cà Thị Mai, sinh năm: 1996, nơi cư trú: Tiểu khu 1, xã N, huyện MS, tỉnh Sơn La là chủ quán nước nơi các bị cáo ngồi uống nước đợi xe khách đã chứng kiến việc Công an huyện MS kiểm tra và lập biên bản bắt quả tang Phạm Thị Ánh T, Đỗ Quang S khi đang có hành vi tàng trữ trái phép ma túy.

Với các căn cứ chứng minh trên đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Phạm Thị Ánh T, Đỗ Quang S đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, được quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Về khung hình phạt áp dụng: Các bị cáo Phạm Thị Ánh T, Đỗ Quang S đã thực hiện hành vi mua bán trái phép 355,4 gam loại chất Methamphetamine và 323,11 gam loại thuốc phiện (tương đương với 19,38 gam loại chất Methamphetamine), tổng trọng lượng loại chất Methamphetamine là 374,74 gam, đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt “*Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ 300 gam trở lên*” quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, có mức hình phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng.

Bị cáo Đỗ Quang S đang phải chấp hành hình phạt 26 tháng tù theo bản án sơ thẩm số 356/2017/HSST ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân quận HB, thành phố Hà Nội nay lại bị xét xử về hành vi phạm tội trước đó nên cần áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999 **để tổng hợp hình phạt chung của hai bản án.**

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 28/10/2013 bị cáo Phạm Thị Ánh T bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo Đỗ Quang S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bị bắt, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, gia đình các bị cáo xuất trình tài liệu chứng minh bố mẹ đẻ của các bị cáo có công với cách mạng được tặng thưởng Huân, huy chương kháng chiến nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Riêng bị cáo Phạm Thị Ánh T đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra khởi tố, điều tra, làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Quang S nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã đi ngược lại với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật nhà nước về đấu tranh phòng, chống ma túy; gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương; trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tai, tệ nạn và các tội phạm khác trong xã hội cần phải có một mức án nghiêm khắc nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Vụ án có tính chất đồng phạm, trong đó bị cáo Phạm Thị Ánh T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Đỗ Quang S cùng tham gia hành vi phạm tội và trực tiếp thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy; bị cáo S đã tiếp nhận ý chí từ bị cáo T, tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức cho T trong việc mua bán trái phép chất ma túy, do đó khi lượng hình cần áp dụng Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Đỗ Quang S.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, bị cáo Phạm Thị Ánh T phải chịu hình phạt bổ sung (phạt tiền) theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đối với bị cáo Đỗ Quang S, xét thấy bị cáo không có điều kiện thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*).

[7] Vật chứng vụ án:

- Đối với 317,71 gam loại thuốc phiện và 343,14 gam loại chất Methamphetamine còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định, xét đây là loại hàng Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy cùng chiếc túi giả da, 01 chiếc ảnh thẻ không còn giá trị sử dụng.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động thu của Đỗ Quang S và 01 điện thoại di động Nokia thu của Phạm Thị Ánh T, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được đây là phương tiện các bị cáo sử dụng liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 quyển sổ hộ khẩu và 02 chiếc điện thoại di động thu của Phạm Thị Ánh T, xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối số tiền 22.160.000đ thu giữ của Phạm Thị Ánh T và 950.000đ thu của Đỗ Quang S khi bắt quả tang. Xét thấy, không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Ánh T, Đỗ Quang S phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

1. - Áp dụng điểm e khoản 4, 5 Điều 194; điểm p, q khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Phạm Thị Ánh T 20 (Hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2017.

Phạt tiền 5.000.000đ đối với bị cáo Phạm Thị Ánh T.

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 53; Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Đỗ Quang S 17 (Mười bảy) năm tù, được khấu trừ đi thời gian 11 ngày bị bắt, tạm giữ (từ ngày 14/4/2017 đến ngày 24/4/2017), bị cáo phải chấp hành tiếp là 16 năm 11 tháng 19 ngày tù. Tổng hợp hình phạt 26 tháng tù tại bản án số 356/2017/HSST ngày 30/11/2017 của Tòa án nhân dân quận HB, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 19 năm 01 tháng 19 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/8/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với bị cáo Đỗ Quang S.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

- Tịch thu tiêu hủy: 317,71 gam loại thuốc phiện và 343,14 gam loại chất

Methamphetamine được niêm phong trong 01 chiếc hộp vật chứng được dán kín bằng giấy trắng; 01 chiếc túi giả da màu da cam có quai xách đã cũ và 01 chiếc ảnh thẻ của Phạm Thị Ánh T.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo vỏ màu đen đã qua sử dụng thu giữ của Đỗ Quang S và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model RM1133 vỏ màu đen, 2 IMEI có 04 số cuối 5482, 5490 kèm 02 sim trong máy thu giữ của Phạm Thị Ánh T.

- Trả cho bị cáo Phạm Thị Ánh T: 01 quyển sổ hộ khẩu mang tên Phạm Thị Ánh T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ màu đỏ, đen đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại di động Iphone vỏ màu đen, trắng đã qua sử dụng, mặt sau điện thoại IMEI có 04 số cuối 0473.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

+ 22.160.000đ (Hai mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của bị cáo Phạm Thị Ánh T.

+ 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam của bị cáo Đỗ Quang S.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Phòng PC47 - Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Sơn La;
- Các bị cáo; Luật sư
- Sở Tư pháp tỉnh Nam Định;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thị Bích Hồng